FireAnt

CTCP Chứng khoán Kỹ thương (HSX: TCX)

Thông tin giao dịch	31/12/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	47,000
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	48,950
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,800
SL cổ phiếu LH	2,311,308,021
KLGD BQ 20 phiên (CP)	1,968,375
% sở hữu nước ngoài	9.8%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	108,631
P/E	19.1
EPS	2,459

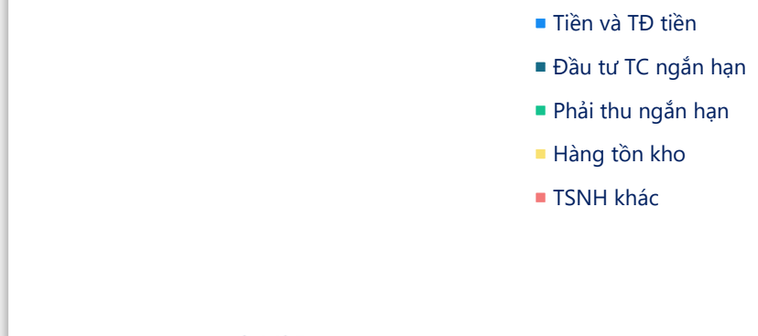
	YTD	1T	3T	6T
TCX		1.2%	0.5%	1.1%
VNINDEX		3.2%	8.4%	6.2%

Cơ cấu Tổng tài sản



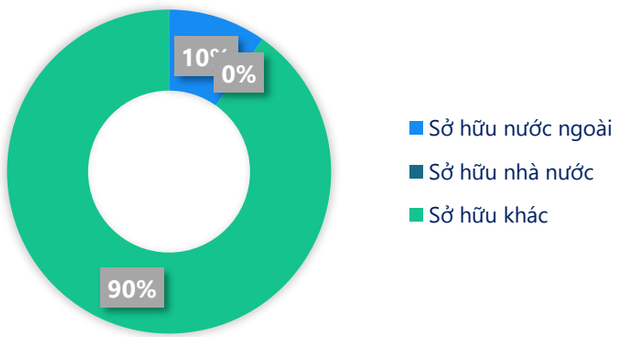
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



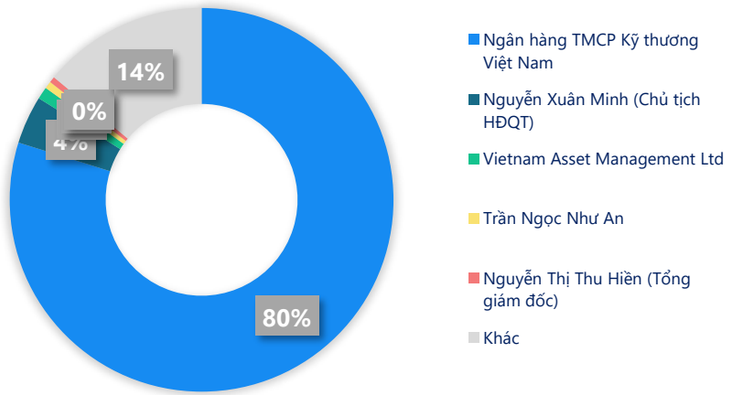
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



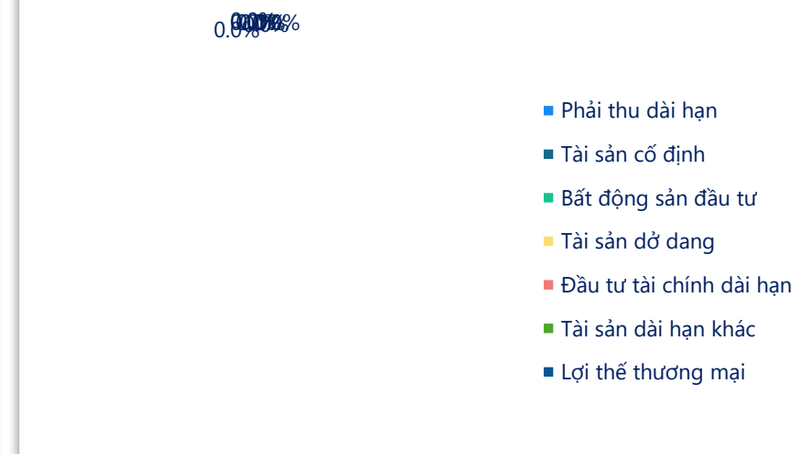
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

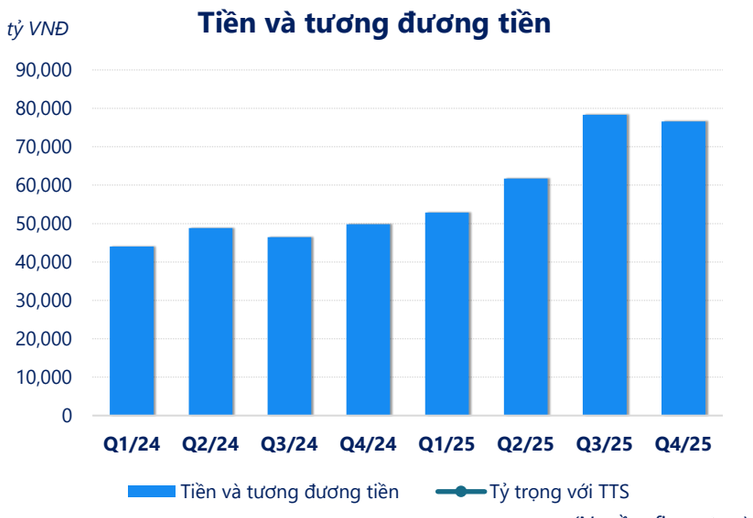


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

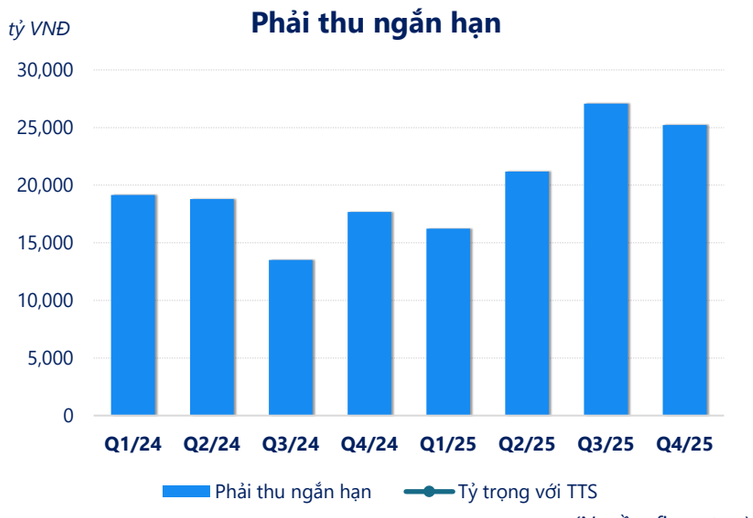
CTCP Chứng khoán Kỹ thương (HSX: TCX)

Tiền và tương đương tiền



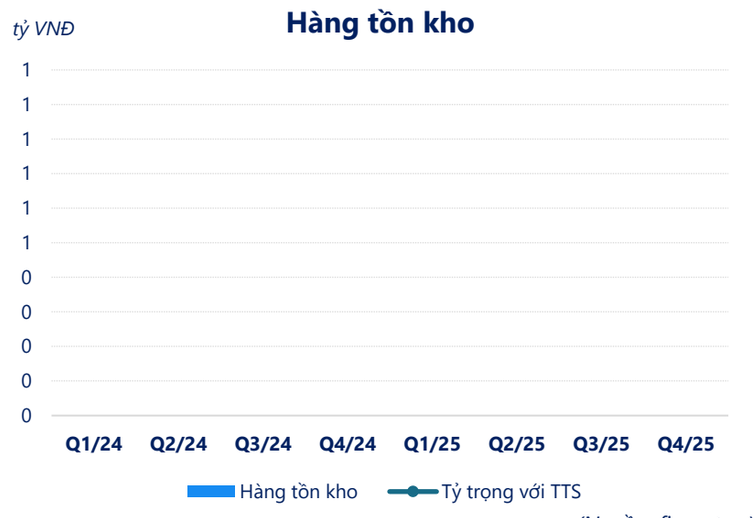
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



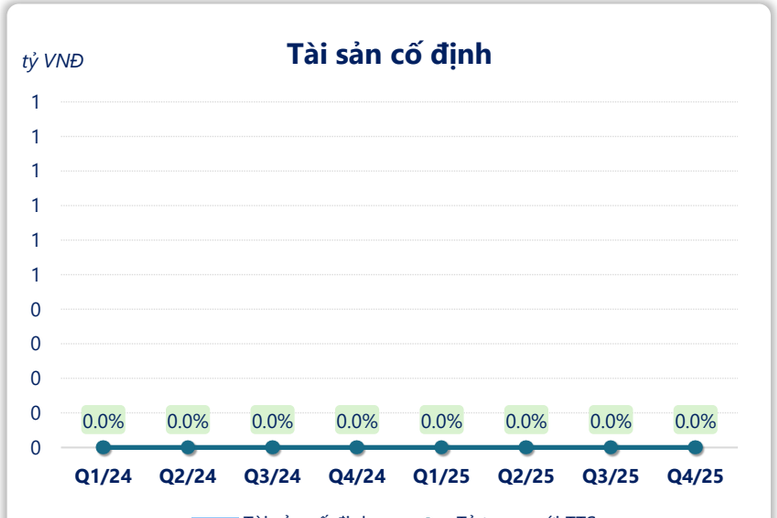
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



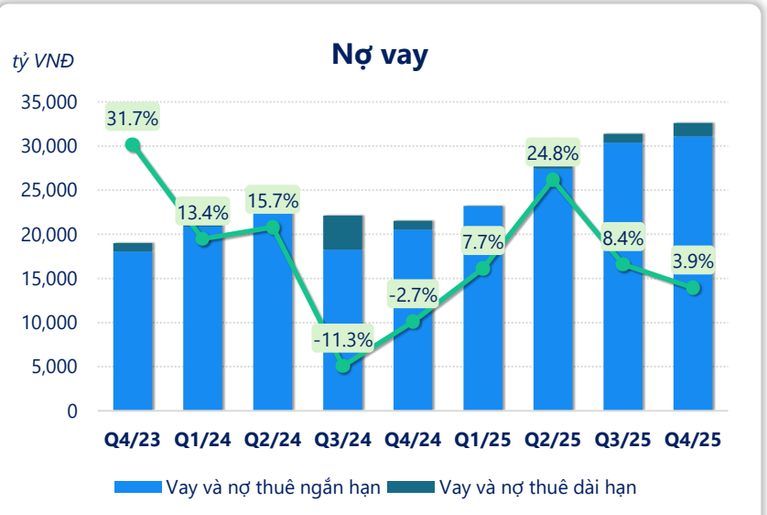
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



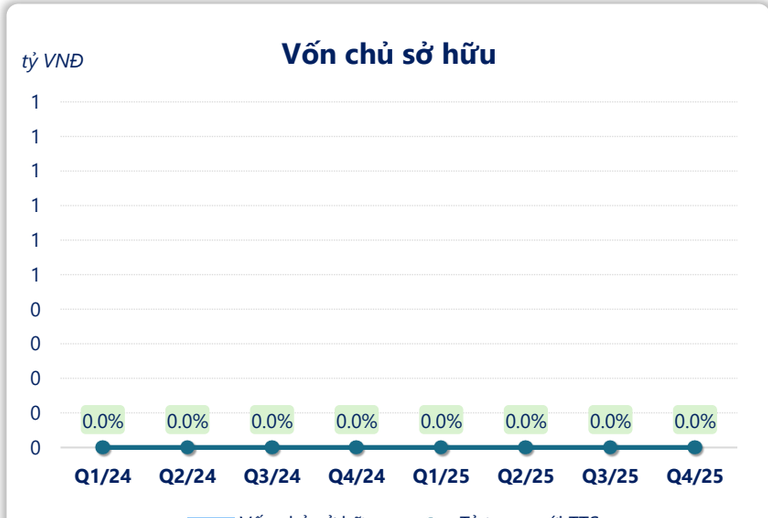
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

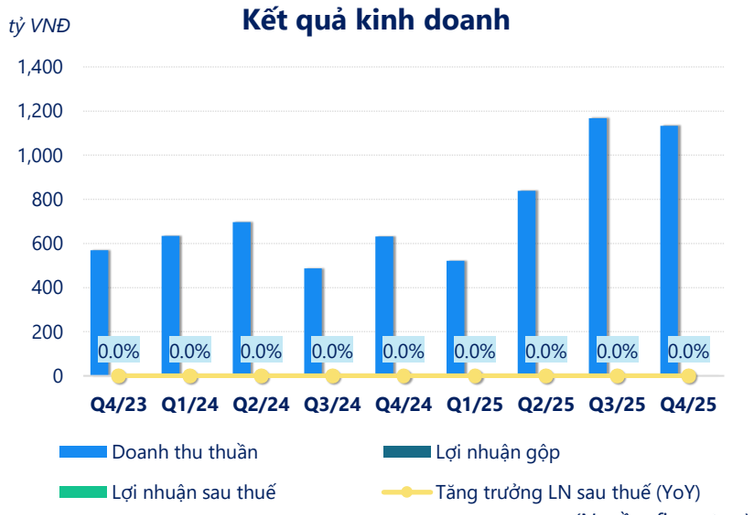
Vốn chủ sở hữu



(Nguồn: fireant.vn)

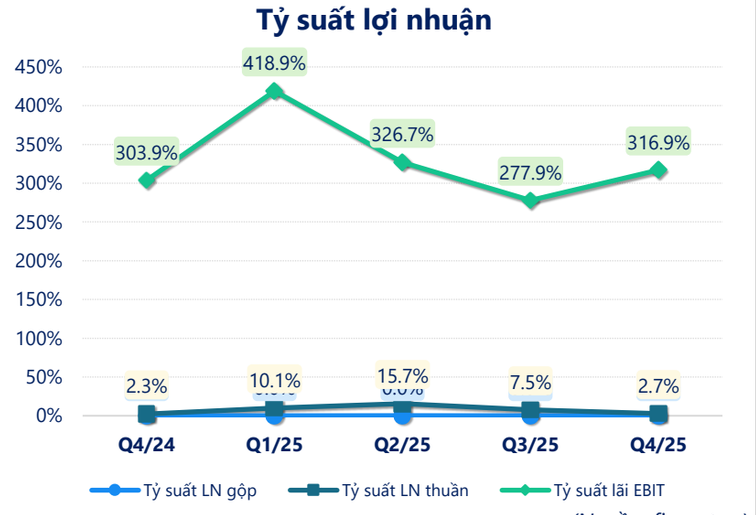
CTCP Chứng khoán Kỹ thương (HSX: TCX)

Kết quả kinh doanh



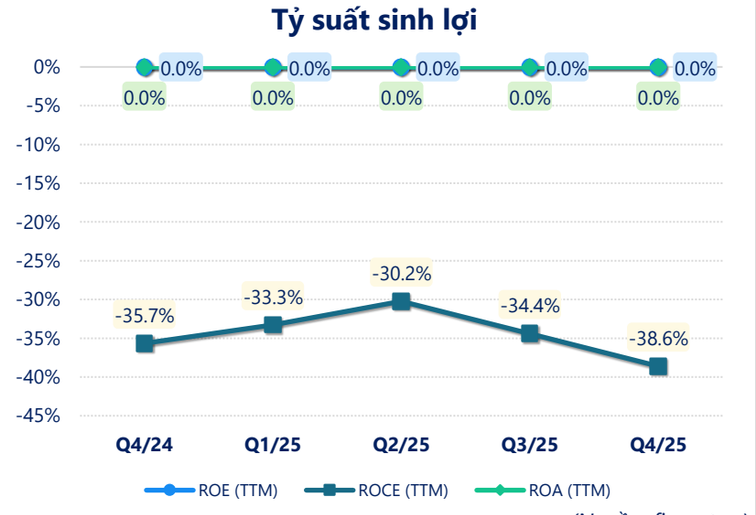
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



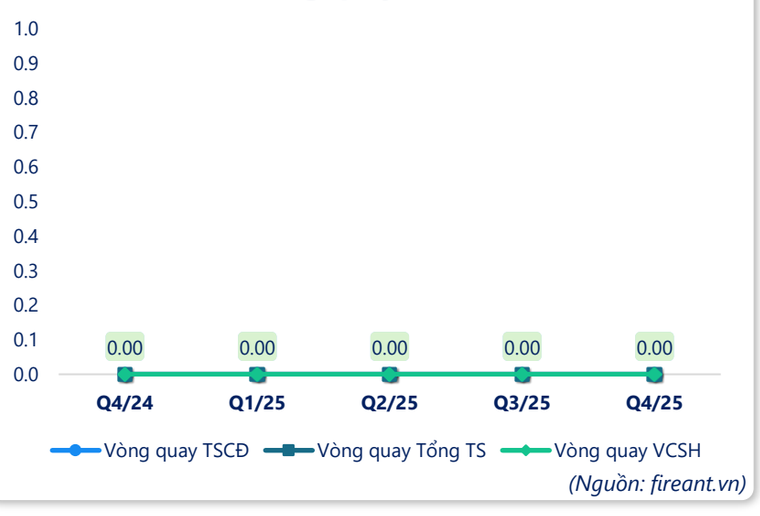
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



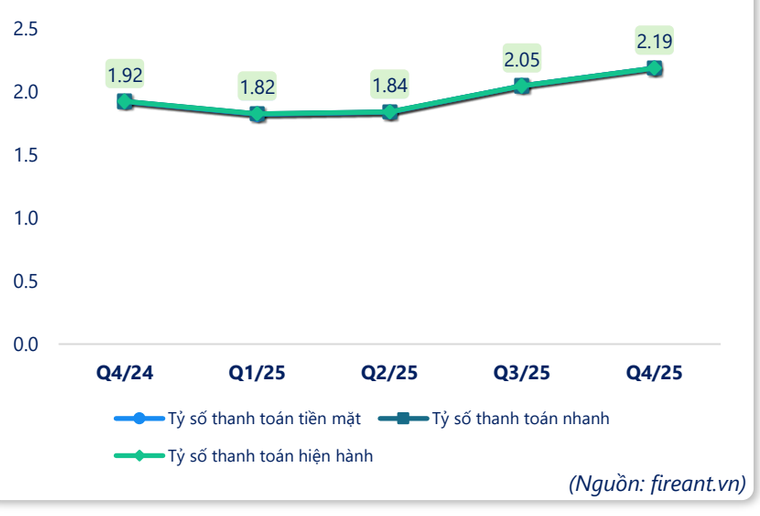
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



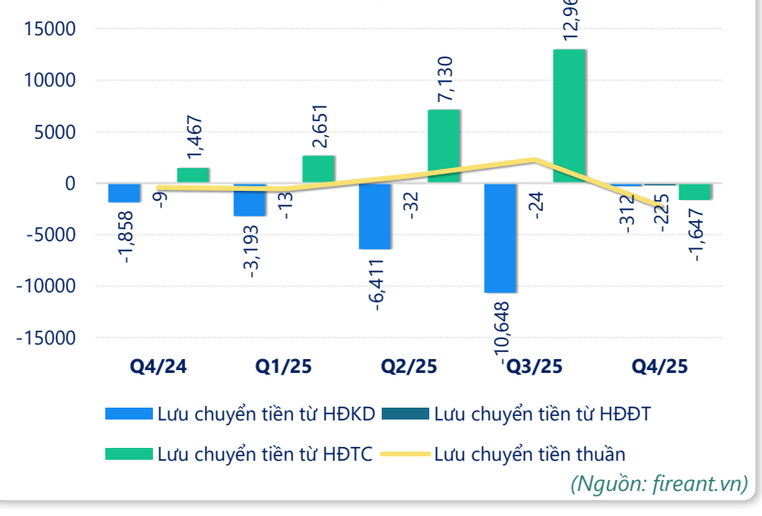
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

FireAnt

CTCP Chứng khoán Kỹ thương (HSX: TCX)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 31/12/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**0**	**0**	
Tài sản ngắn hạn	76,613	49,395	55.1%
Tiền và tương đương tiền	76,597	49,342	55.2%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	0	0	
Phải thu ngắn hạn	25,218	17,671	42.7%
Hàng tồn kho	0	0	
Tài sản ngắn hạn khác	0	0	
Tài sản dài hạn	**13.4**	**52.7**	**-74.6%**
Phải thu dài hạn	0.01	0	
Tài sản cố định	0	0	
Bất động sản đầu tư	0	0	
Tài sản dở dang	139	66.8	108%
Đầu tư tài chính dài hạn	0	0	
Tài sản dài hạn khác	**183**	**195**	**-6.1%**
Lợi thế thương mại	10.1	10.0	0.8%
Nợ phải trả	36,533	26,947	35.6%
Nợ ngắn hạn	**35,017**	**25,934**	**35.0%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	31,080	20,523	51.4%
Phải trả người bán ngắn hạn	0	0	
Nợ dài hạn	0	0	
Vay và nợ thuê dài hạn	1,516	1,013	49.6%
Nguồn vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn chủ sở hữu	**0**	**0**	
Vốn điều lệ	0	0	
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Doanh thu thuần	632	522	839	1,168	1,133
Giá vốn hàng bán	0.68	1.03	1.93	3.07	0.88
Lợi nhuận gộp	0.03	0	0.03	0.08	0.02
Doanh thu HĐTC	28.3	33.8	39.6	44.2	62.4
Chi phí TC	706	732	844	1,015	1,137
Chi phí lãi vay	75.9	159	81.8	81.9	226
LN trong công ty LKLD	0	0	0	0	0
Chi phí bán hàng	165	153	201	318	285
Chi phí QLDN	207	361	496	421	438
LN thuần từ HĐKD	14.2	52.6	131	88.0	30.5
Lợi nhuận khác	1.02	1.16	1.01	3.07	1.36
LN trước thuế	1,843	2,028	2,660	3,164	3,365
Lợi nhuận sau thuế	0.25	0.98	0.58	0.46	1.65
LNST của CĐ cty mẹ	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25	Q4/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-1,858	-3,193	-6,411	-10,648	-312
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	-9.48	-12.5	-32.2	-24.1	-225
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	1,467	2,651	7,130	12,966	-1,647
Tiền đầu kỳ	3,266	2,865	2,310	2,998	5,292
Lưu chuyển tiền thuần	**-401**	**-555**	**688**	**2,294**	**-2,183**
Ảnh hưởng tỷ giá	0	0	0	0	0
Tiền cuối kỳ	2,865	2,310	2,998	5,292	3,108

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic